

Đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ở Viện Hàn lâm

Khoa học xã hội Việt Nam

(theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024)

TS. Nguyễn Thị Thu Hà*

Nhận ngày 02 tháng 6 năm 2025. Chấp nhận đăng ngày 26 tháng 6 năm 2025.

Tóm tắt: Trên cơ sở khái quát quan điểm của Đảng về vai trò của khoa học, công nghệ trong phát triển đất nước, bài viết làm rõ một số nội dung cơ bản của Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 trong mối liên hệ với lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, từ đó phân tích một số điểm thay đổi mang tính đột phá của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (sau đây gọi là Viện Hàn lâm) về thể chế, về triển khai các đề án trọng yếu, về quan điểm về các định hướng nghiên cứu lớn... để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, hướng tới mục tiêu phát triển Viện Hàn lâm đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 thành trung tâm nghiên cứu trọng điểm, ngang tầm với các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

Từ khóa: Đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học công nghệ, chuyển đổi số, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Phân loại ngành: Chính trị học

Abstract: Based on the general view of the Party on the role of science and technology in national development, the article clarifies some basic contents of Resolution No. 57-NQ/TW dated 22 December, 2024 in relation to the field of social sciences and humanities, thereby analyzing some breakthrough changes of the Vietnam Academy of Social Sciences (VASS) in terms of institutions, implementation of key projects, viewpoints on major research orientations... to promote the development of science, technology, innovation and digital transformation, towards the goal of developing VASS by 2030, with a vision to 2045, into a key research center, on par with advanced countries in the region and the world.

Keywords: Innovation, science and technology development, digital transformation, Vietnam Academy of Social Sciences.

Subject classification: Political science

1. Mở đầu

Tầm quan trọng của khoa học, công nghệ (KH-CN) đối với sự phát triển của đất nước là một nhận định được thể hiện xuyên suốt và nhất quán trong nhiều tài liệu, văn bản mang tính chỉ đạo, định hướng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ khoảng gần hai thập kỷ qua. Có thể kể đến Nghị quyết 27-NQ/TW ngày 06/8/2008 về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 về phát triển KH-CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Kết luận của Ban Bí thư số

* Phó trưởng ban Ban Tài chính và Quản lý khoa học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: thuha33@yahoo.com

50-KL/TW ngày 30/05/2019 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển KHCN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 2021; Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới... Hiến pháp quy định rõ:

“Phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; Nhà nước ưu tiên đầu tư và khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng có hiệu quả thành tựu khoa học và công nghệ; bảo đảm quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ...; Nhà nước tạo điều kiện để mọi người tham gia và được thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động khoa học và công nghệ” (Điều 62, Hiến pháp năm 2013).

Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Sở hữu trí tuệ và nhiều luật khác được ban hành và bổ sung, sửa đổi thường xuyên đã giúp hình thành nên một khung khổ pháp lý cơ bản cho khoa học công nghệ phát triển, tạo nền móng để Việt Nam có sự bứt phá trong đổi mới sáng tạo (ĐMST) sau một thập kỷ, từ thứ hạng 71 (năm 2014) lên 44 (năm 2024), giữ vững top 50 toàn cầu, được Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO) đánh giá là một trong những quốc gia liên tục đổi mới sáng tạo, vượt trội hơn so với mức phát triển kinh tế trong 14 năm liên tục¹.

Tuy vậy, Bộ Chính trị nhận định, so với các nước phát triển thì quy mô, tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Việt Nam vẫn còn khoảng cách xa. Tốc độ và sự bứt phá về phát triển KHCN, ĐMST và chuyển đổi số (CDS) quốc gia còn chậm; nhận thức của nhiều cấp, nhiều ngành, cán bộ, công chức và nhân dân về CDS chưa đầy đủ và sâu sắc; nghiên cứu, ứng dụng KHCN, ĐMST chưa có bước đột phá, chưa làm chủ được công nghệ chiến lược, công nghệ cốt lõi; thể chế pháp luật, cơ chế, chính sách chưa đáp ứng yêu cầu; nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu; hạ tầng chưa đồng bộ, nhất là hạ tầng số còn nhiều hạn chế; an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu còn nhiều thách thức (Bộ Chính trị, 2024). Bối cảnh đó đòi hỏi Việt Nam cần khẩn trương có một “quyết sách mang tính chiến lược và cách mạng, tạo ra được xung lực mạnh” để có thể đạt mục tiêu trở thành quốc gia phát triển, có thu nhập cao vào dịp kỷ niệm 100 năm thành lập nước (1945-2045).

Ngày 22/12/2024 Nghị quyết số 57-NQ/TW (Nghị quyết 57) về phát triển KHCN, ĐMST và CDS quốc gia được Bộ Chính trị ban hành, chính là Nghị quyết đầu tiên trong “Bộ tứ trụ cột”², có vai trò quan trọng, mang tính đột phá, tạo bàn đạp để đất nước cất cánh. Nghị quyết thể hiện một bước tiến vượt bậc trong việc đánh giá vai trò, vị trí của KHCN, ĐMST, CDS trong sự phát triển của đất nước.

2. Nghị quyết số 57-NQ/TW và những vấn đề đặt ra cho phát triển khoa học xã hội và nhân văn của Việt Nam

Nghị quyết 57 khẳng định: phát triển KHCN, ĐMST và CDS quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện

¹ Vietnam - Global Innovation Index 2024.

² “Bộ tứ trụ cột” là cách Tổng Bí thư Tô Lâm gọi bốn Nghị quyết lần lượt được ban hành từ tháng 12/2024 đến tháng 5/2025 bao gồm: Nghị quyết số 57-NQ/TW (22/12/2024) về phát triển KHCN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW (24/1/2025) về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW (30/4/2025) về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật; và Nghị quyết số 68-NQ/TW (4/5/2025) về phát triển kinh tế tư nhân.

quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới. Có thể nói, đây là một quyết định chiến lược được ban hành vào thời điểm mang tính chất bản lề - thời điểm chuyển giai đoạn của cả trong nước và thế giới - được Đảng, Nhà nước và Nhân dân kỳ vọng sẽ như một “Khoán 10” trong lĩnh vực KHCN, giúp đưa Việt Nam thoát khỏi trạng thái “phát triển trung bình”, hướng tới phát triển nhanh, bền vững và tự chủ hơn trong kỷ nguyên số và tri thức. Để quán triệt và nhanh chóng đưa Nghị quyết 57 vào cuộc sống, tại Hội nghị toàn quốc về đột phá phát triển KHCN, ĐMST và CDS quốc gia ngày 13/1/2025, Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định:

“Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số không chỉ là lựa chọn, mà là con đường sống còn” (Phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm tại Hội nghị toàn quốc về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia ngày 13/1/2025).

Từ việc khẳng định KHCN, ĐMST và CDS quốc gia là “đột phá quan trọng hàng đầu”, là “trụ cột phát triển quốc gia”, Nghị quyết 57 chỉ rõ cần phải xác định đây là cuộc cách mạng sâu sắc, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực; phải được triển khai quyết liệt, kiên trì, đồng bộ, nhất quán, lâu dài với những giải pháp đột phá, mang tính cách mạng, do vậy, cần phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và nhân dân đối với phát triển KHCN, ĐMST và CDS quốc gia, trong đó người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể, nguồn lực, động lực chính; nhà khoa học là nhân tố then chốt; Nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho phát triển KHCN, ĐMST và CDS quốc gia.

Khoa học xã hội và nhân văn (KHXX & NV) là một bộ phận không thể tách rời của KHCN, đóng vai trò then chốt trong quá trình nhận thức, tư duy và hình thành hệ giá trị của con người, góp phần định hướng chính sách và thúc đẩy sự phát triển bền vững của quốc gia. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (Viện Hàn lâm) là cơ quan thuộc Chính phủ, có chức năng nghiên cứu những vấn đề cơ bản về khoa học xã hội (KHXX); cung cấp luận cứ khoa học cho Đảng và Nhà nước trong việc hoạch định đường lối, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển nhanh và bền vững của đất nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa; tư vấn về chính sách phát triển trong lĩnh vực KHXX; đào tạo nhân lực có trình độ cao về KHXX. Trong hơn 70 năm xây dựng, phát triển, Viện Hàn lâm đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, đóng góp không thể thiếu cho quá trình xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc, được Đảng, Nhà nước ghi nhận bằng nhiều giải thưởng cao quý: 21 công trình, cụm công trình khoa học được trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh (trong tổng số 28 công trình, cụm công trình KHXX & NV của cả nước được trao giải thưởng, chiếm 75%); 28 công trình, cụm công trình hoa khộc được trao tặng giải thưởng Nhà nước (trong tổng số 31 công trình KHXX & NV, cụm công trình của cả nước được trao giải thưởng qua 5 đợt xét tặng, chiếm 90,32%) (Đặng Xuân Thanh, 2023)...

Dù vậy, phải thẳng thắn nhìn nhận, trong những năm gần đây, công tác nghiên cứu và tư vấn chính sách của Viện Hàn lâm vẫn còn một số hạn chế, chưa phát huy hết vai trò của mình, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu phát triển của đất nước, nhất là trong bối cảnh mới. Số lượng các công bố quốc tế của Viện Hàn lâm còn khiêm tốn; Viện Hàn lâm chưa có tạp chí khoa học nào trong danh mục tạp chí uy tín quốc tế như ISI hoặc Scopus; công tác đào tạo tại Học viện KHXX những năm gần đây vẫn còn một số khó khăn khách quan, chủ quan và lúng túng, phát triển chưa tương xứng với tiềm lực của Viện Hàn lâm và kỳ vọng của xã hội.

Những hạn chế, bất cập này xuất phát từ nhiều nguyên nhân: (a) nhận thức chung về vai trò và vị trí của KHXH & NV đối với sự phát triển đất nước còn chưa đầy đủ, dẫn đến mức độ đầu tư nguồn lực chưa thỏa đáng; (b) thể chế, chính sách chưa phù hợp, chưa tính đến tính đặc thù của KHXH & NV; (c) cơ chế tuyển dụng, đãi ngộ, bổ nhiệm lãnh đạo, quản lý còn quan liêu, cứng nhắc làm hạn chế việc thu hút nhân tài và hình thành đội ngũ nghiên cứu mạnh; (d) việc phân bổ các nghiên cứu vừa thiếu vừa dàn trải, chưa có trọng tâm, trọng điểm; (đ) sự phối hợp liên ngành, xuyên ngành, đa ngành giữa KHXH & NV với khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ chưa được chú trọng đúng mức dẫn đến nhiều hạn chế trong kết quả nghiên cứu có mục tiêu giải quyết các vấn đề phức tạp của xã hội hiện đại.

Đứng trước thời điểm bản lề của đất nước, thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023³ và Nghị quyết 57, Viện Hàn lâm đặt mục tiêu *xây dựng, tổ chức triển khai đồng bộ, toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm phát triển Viện Hàn lâm ngang tầm với các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới*. Trong đó, xác định ba mục tiêu xuyên suốt sau đây (VASS, 2024):

Thứ nhất, nâng cao toàn diện chất lượng nghiên cứu khoa học cơ bản, với các chương trình, đề án nghiên cứu lớn, quan trọng; tạo chuyển biến mạnh trong chất lượng các sản phẩm khoa học như các đề tài, dự án nghiên cứu, các hội thảo, tọa đàm, diễn đàn khoa học, các ấn phẩm, tạp chí chuyên ngành, từng bước tiệm cận và tiến tới đạt chuẩn mực quốc tế. Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu để cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch cho Đảng, Nhà nước; thực hiện các khảo sát chuyên sâu, công bố các báo cáo nghiên cứu có giá trị khoa học lớn, các đánh giá, dự báo tình hình có giá trị thực tiễn và định hướng chính sách cao; tích cực tham gia tổng kết quá trình đổi mới của đất nước, nghiên cứu các lý thuyết, mô hình, kinh nghiệm phát triển của các nước trên thế giới, góp phần giải quyết hiệu quả các mối quan hệ lớn đặt ra trong quá trình đổi mới.

Thứ hai, tập trung nghiên cứu, cung cấp luận cứ về kỷ nguyên mới của dân tộc, cho việc xây dựng chiến lược, lộ trình để Việt Nam trở thành quốc gia phát triển có thu nhập cao vào năm 2045; tư vấn chính sách phát triển trong lĩnh vực KHXH & NV.

Thứ ba, tạo chuyển biến căn bản, toàn diện công tác đào tạo viên chức nghiên cứu khoa học trình độ cao trong lĩnh vực KHXH & NV cho đất nước; gắn kết chặt chẽ hoạt động đào tạo với nghiên cứu khoa học để phát huy thế mạnh của Viện Hàn lâm trong nghiên cứu khoa học, hướng tới mục tiêu và góp phần hình thành giới nghiên cứu tinh hoa của đất nước trong lĩnh vực KHXH & NV.

Quá trình cụ thể hóa các mục tiêu nêu trên của Viện Hàn lâm sẽ đem lại hàng loạt những thay đổi mang tính đột phá kể từ năm 2025.

3. Một số đột phá về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

3.1. Đột phá về thể chế

- Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định, quy chế hiện hành

³ Nghị quyết 45 giao cho bốn cơ quan khoa học (Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học công nghệ Việt Nam, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh) xây dựng các Đề án tăng cường năng lực. Thực hiện Nghị quyết 45, Viện Hàn lâm đã xây dựng Đề án “Tăng cường năng lực, phát triển Viện Hàn lâm Khoa học xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 ngang tầm với các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới”.

Phần lớn các quy chế, quy định quan trọng của Viện Hàn lâm, từng là “rường cột” cho hầu hết các hoạt động, được áp dụng tương đối ổn định từ nhiều năm nay⁴, như Quy chế quản lý các hoạt động khoa học, Quy chế quản lý các hoạt động tài chính, Quy chế quản lý các hoạt động đối ngoại và các quy chế quy định khác về tuyển dụng, đãi ngộ... sẽ được sửa đổi một cách căn bản và đồng bộ kể từ quý III-2025 để phù hợp với yêu cầu phát triển mới, đảm bảo được mục tiêu cải cách thể chế, lược giảm tối đa thủ tục hành chính trong quản lý, đặc biệt là trong quy trình quản lý các hoạt động khoa học, tháo gỡ mọi điểm nghẽn, khơi thông mọi nguồn lực (về con người, tài chính...) (VASS, 2025a).

Dựa trên Luật KHCN và ĐMST năm 2025 và các văn bản hướng dẫn và Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển KHCN, ĐMST, quy chế quản lý các hoạt động khoa học của Viện Hàn lâm sẽ có những thay đổi mang tính cách mạng: chuyển trọng tâm từ quản lý quá trình (hồ sơ thủ tục rườm rà, định mức chi tiêu cứng nhắc...) sang quản lý theo sản phẩm và hiệu quả đầu ra, qua đó trao quyền tự chủ nhiều hơn cho tổ chức và cá nhân các chủ nhiệm nhiệm vụ; quy định chi tiết về sử dụng nền tảng số trong quản lý nhiệm vụ KHCN để tăng cường tính minh bạch và hiệu quả; từng bước chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu; khuyến khích các nghiên cứu có chuyển giao kết quả, có công bố quốc tế, có cách tiếp cận liên ngành, xuyên ngành, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu - ứng dụng - đổi mới sáng tạo; tăng cường các quy định về giám sát chất lượng các nghiên cứu và bổ sung các chế tài xử phạt nếu có vi phạm liên chính khoa học... Việc cấp kinh phí đề tài nghiên cứu không còn “cào bằng” mà sẽ dựa trên việc xem xét, đánh giá mức độ đóng góp cho việc sáng tạo tri thức cơ bản và cung cấp luận cứ khoa học cho hoạch định chính sách, chiến lược phát triển đất nước và dựa trên việc đánh giá hiệu quả sử dụng kinh phí của các cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ cũng như của tổ chức chủ trì trong các nghiên cứu triển khai trước đó; ưu tiên cấp thêm kinh phí cho các đề tài có cam kết công bố trên các tạp chí thuộc danh mục SCOPUS/ISI...

- Sửa đổi, bổ sung bộ tiêu chí đánh giá, ban hành các quy định mới

Viện Hàn lâm sẽ tiếp tục điều chỉnh, hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị, cá nhân (KPI) cho phù hợp với mục tiêu phát triển mới và thúc đẩy hiệu quả hơn nữa, toàn diện hơn nữa các hoạt động quan trọng của Viện Hàn lâm, trong đó tư duy về cách đánh giá sẽ được thay đổi, theo đó, sản phẩm của các nhà nghiên cứu không chỉ là các bài công bố, sách chuyên khảo hay báo cáo tư vấn chính sách, mà có thể còn bao gồm cả các mô hình ứng dụng, sổ tay hướng dẫn, cẩm nang, thậm chí cả các sản phẩm số hóa như bản đồ dữ liệu...; các tiêu chí về khả năng gợi mở chính sách, tác động đến nhận thức cộng đồng, hay sáng kiến hỗ trợ quản trị và phát triển địa phương... có thể cũng được xem xét tính điểm trong đánh giá hiệu quả hoạt động của một nhà nghiên cứu KHXH & NV thuộc Viện Hàn lâm.

Bên cạnh đó, Viện Hàn lâm cũng sẽ khản trương xây dựng khung pháp lý về thành lập doanh nghiệp ứng dụng KHXH để áp dụng cho một số viện nghiên cứu trực thuộc như Viện Xã hội học và Tâm lý học, Viện Ngôn ngữ học, Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới, Viện Nhà nước và Pháp luật và các Viện khối quốc tế nhằm thúc đẩy mạnh mẽ xu thế kết hợp giữa nghiên cứu cơ bản với ứng dụng thực tiễn, tăng cường năng lực tự chủ cho các viện nghiên cứu.

⁴ Các quy chế, quy định này có được sửa đổi, bổ sung hàng năm theo sự thay đổi của các quy định pháp luật, tuy nhiên, những thay đổi này không quá lớn, không làm thay đổi về bản chất

Ngoài ra, một số quy định mới sẽ được Viện Hàn lâm khẩn trương xây dựng nhằm kiểm soát chặt chẽ hơn nữa chất lượng các công trình nghiên cứu khoa học, đề cao sự trung thực, minh bạch của nhà nghiên cứu cũng như đảm bảo sự công bằng trong đánh giá, dự kiến sẽ đưa vào áp dụng trong năm 2026, như quy định về liên chính khoa học và quy chế sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong nghiên cứu khoa học.

Song song với hoàn thiện các quy định là việc xây dựng Đề án thành lập Nhóm nghiên cứu mạnh thí điểm triển khai tại khối nghiên cứu quốc tế. Mỗi Nhóm nghiên cứu mạnh được kỳ vọng sẽ như là “một đầu tàu” kéo từng toa tàu kết nối với nhau tạo nên một mạng lưới nghiên cứu quốc tế mạnh trong Viện Hàn lâm. Ngoài việc thực hiện nhiệm vụ của Viện Hàn lâm giao, Nhóm nghiên cứu mạnh sẽ là lực kéo các nhà nghiên cứu trẻ, tài năng của khối quốc tế cùng phối hợp thực hiện các dự án nghiên cứu trong nước và quốc tế. Trong tương lai, các nhóm nghiên cứu mạnh của Viện Hàn lâm sẽ trở thành lực lượng dẫn đầu, tinh nhuệ về đổi mới cách tiếp cận làm nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu khoa học, cạnh tranh với các đơn vị khác về nghiên cứu quốc tế ở trong và ngoài nước⁵.

- Triển khai phân bổ kinh phí theo cơ chế quỹ

Một trong những bước tiến rất quan trọng về thể chế của Viện Hàn lâm sau khi Nghị quyết 57 ra đời là việc ban hành Đề án thành lập Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (VASS, 2025b; VASS 2025c). Cơ chế quỹ trong hoạt động quản lý KHCN lần đầu tiên xuất hiện ở Viện Hàn lâm sẽ cho phép một sự chủ động chưa từng có, bởi một số điểm khác biệt cơ bản so với cơ chế cấp phát ngân sách truyền thống được áp dụng trong suốt hơn 70 năm qua.

Điểm ưu việt nổi bật thứ nhất của cơ chế quỹ là cơ chế tài chính linh hoạt hơn. Cơ chế được kỳ vọng sẽ cho phép Viện Hàn lâm có thể huy động tài chính từ nhiều nguồn khác nhau: từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước cấp và từ các nguồn vốn khác như: các khoản thu từ kết quả hoạt động của Quỹ; khoản phân chia lợi nhuận thu được từ việc sử dụng, chuyển nhượng, góp vốn bằng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; nhận ủy thác từ các quỹ phát triển KHCN của các cơ quan, địa phương; kinh phí được điều chuyển hay nhận ủy thác từ quỹ phát triển KHCN của doanh nghiệp; các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng và nhận ủy thác của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước và ngoài nước... thay vì trước đây chỉ được nhận chủ yếu từ một nguồn duy nhất là ngân sách nhà nước. Việc cho phép “mở rộng cửa” hợp tác với tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước để vận động tài trợ cho Quỹ hoặc ủy thác cho Quỹ tài trợ để thực hiện các nhiệm vụ KHCN, các nhiệm vụ khoa học khác theo quy định của pháp luật sẽ thực sự là một “đòn bẩy” để Viện Hàn lâm có thể tận dụng nguồn lực tài chính một cách mạnh mẽ, đặc biệt là từ các đối tác quốc tế - vấn đề từng là một “điểm nghẽn” nhức nhối của thể chế trong nhiều năm qua. Cơ chế quỹ cũng được kỳ vọng cho phép chuyển nguồn kinh phí chưa sử dụng hết trong năm sang năm sau - điều rất khó thực hiện trong cơ chế ngân sách truyền thống.

Điểm ưu việt nổi bật thứ hai của cơ chế quỹ là cho phép mở rộng đối tượng được cấp kinh phí, tài trợ, hỗ trợ. Quỹ sẽ trở thành một công cụ tài chính hữu hiệu để Viện Hàn lâm “điều hướng” sự phát triển một cách có trọng tâm, trọng điểm, đúng mục tiêu, bởi nó sẽ trao quyền lớn hơn cho Chủ tịch Viện Hàn lâm trong việc: (a) quyết định chỉ cho những nhiệm vụ KHCN thuộc những ngành, lĩnh vực mà Nhà nước hoặc Chủ tịch Viện Hàn lâm ưu tiên

⁵ Đề án Thành lập Nhóm nghiên cứu mạnh Khối nghiên cứu quốc tế thuộc Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.

phát triển; (b) cho phép vận hành theo cơ chế tài chính đặc thù, không hoàn toàn phụ thuộc vào quy trình tài chính công. Điều này trái ngược với cơ chế ngân sách truyền thống là phải tuân thủ nghiêm ngặt quy trình chi tiêu công, kế hoạch năm. Đối với một đơn vị có chức năng tư vấn chính sách cho Đảng, Nhà nước như Viện Hàn lâm thì đây thực sự là một sự “cởi trói”, khi mà từ trước đến nay, những nhiệm vụ đột xuất do cấp trên giao Viện Hàn lâm thực hiện (thường là các báo cáo gấp, về những vấn đề cấp bách, mới nảy sinh) lại không thể được thanh toán kinh phí theo cơ chế ngân sách truyền thống, bởi ràng buộc “cứng” về một danh mục các công việc phải được xây dựng trong kế hoạch từ năm trước; (c) tài trợ cho các nhóm nghiên cứu mạnh; (d) hỗ trợ các nhà khoa học trẻ xuất sắc trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; (e) tài trợ cho xuất bản các kết quả nghiên cứu, các công trình khoa học, sách chuyên khảo ngoài kế hoạch hàng năm; (g) khen thưởng các công trình khoa học, các sản phẩm tiêu biểu, xuất sắc. Đặc biệt, thông qua cơ chế quỹ, các nhà nghiên cứu của Viện Hàn lâm hoàn toàn có thể hy vọng được tham gia vào các chương trình trao đổi học giả tại các quốc gia tiên tiến để nâng cao trình độ, cũng như các học giả nước ngoài có thể đến nghiên cứu ngắn hạn và dài hạn tại Viện Hàn lâm với sự tài trợ của Quỹ (Post-doctoral position/fellowship và Visiting fellowship). Có thể nói, “chiếc gậy thần kỳ” này sẽ giúp Viện Hàn lâm từng bước thoát khỏi cơ chế “quan liêu” về tài chính, có không gian để thiết kế các quy định phù hợp với tính đặc thù riêng có của lĩnh vực nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, hỗ trợ mạnh mẽ cho các sáng kiến trong quản lý, vận hành, qua đó trình độ chuyên môn của các nhà nghiên cứu của Viện Hàn lâm sẽ từng bước được nâng lên, các công trình nghiên cứu, tư vấn chính sách sẽ được cải thiện mạnh mẽ một cách nhanh chóng, cả về lượng và chất, đáp ứng được các yêu cầu ngày càng cao của đất nước về phát triển kinh tế, ổn định xã hội và hội nhập sâu hơn với thế giới.

Việc quyết liệt sửa đổi đồng bộ hầu hết các quy chế, quy định then chốt, xây dựng thêm các quy định mới, ban hành cơ chế quỹ nêu trên có thể coi là bước đột phá về cải cách thể chế của Viện Hàn lâm triển khai thực hiện Nghị quyết 57, có tính nền tảng, hứa hẹn sẽ tạo ra một khung khổ quy định mới, thông thoáng, khai phóng, giúp khơi thông các nguồn lực, tạo nên một sức mạnh tổng hợp, tạo nền tảng cho những thay đổi quan trọng của Viện Hàn lâm.

3.2. Xây dựng và triển khai các đề án quan trọng, tạo nền tảng hạ tầng vững chắc cho sự bứt phá của Viện Hàn lâm

Cùng với việc cải tổ mạnh mẽ thể chế, Viện Hàn lâm đang xây dựng và sẽ triển khai nhiều đề án, chiến lược, kế hoạch nhằm tăng cường đầu tư có trọng tâm, trọng điểm đối với các lĩnh vực then chốt, trọng yếu, phục vụ mục tiêu phát triển. Đó là: Đề án Chuyển đổi số của Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam; Đề án Tăng cường huy động các nguồn lực tài chính để thực hiện cơ chế tự chủ của Viện Hàn lâm; Đề án xây dựng Tạp chí KHXH Việt Nam bản tiếng Anh gia nhập danh mục tạp chí quốc tế SCOPUS; Đề án Tăng cường hiện đại hóa hệ thống thư viện Viện Hàn lâm; Đề án Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xuất bản của Nhà xuất bản Khoa học xã hội; Chiến lược nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn với nghiên cứu khoa học tại Học viện KHXH...

Nếu được triển khai kịp thời và đồng bộ, các đề án này sẽ mang tới những thay đổi quan trọng về chất cho sự phát triển của toàn bộ Viện Hàn lâm, có thể coi là bước đột phá trong xây dựng các trụ cột phát triển của Viện Hàn lâm, giúp Viện Hàn lâm tiến gần với mục tiêu đặt ra: (1) về cơ sở hạ tầng, đến năm 2030 Viện Hàn lâm sẽ có hệ thống hạ tầng và trang

thiết bị, các phần mềm quản trị và phục vụ nghiên cứu hiện đại; có hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin đồng bộ, tiên tiến, được kết nối với các hệ thống thông tin, dữ liệu trong nước và thế giới; hầu hết các hoạt động quản lý điều hành, nghiên cứu khoa học, đào tạo của Viện Hàn lâm sẽ được thực hiện trên môi trường số, qua đó mang tới một sự đổi mới căn bản, toàn diện về công tác quản lý, điều hành, nghiên cứu khoa học, tư vấn chính sách, đào tạo và thực hiện nhiệm vụ của Viện Hàn lâm dựa trên nền tảng số. Việc ứng dụng công nghệ số và sử dụng dữ liệu số một cách sâu rộng trở thành trụ cột, động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển của Viện Hàn lâm; hệ thống thư viện sẽ được quản lý thống nhất và hiện đại hóa theo hướng nâng cao năng lực liên kết, chia sẻ nguồn lực thông tin, khai thác hiệu quả tài nguyên số, các nhà nghiên cứu sẽ có quyền truy cập vào các cơ sở dữ liệu học thuật quốc tế có chỉ số ảnh hưởng cao, như JSTOR, Elsevier (ScienceDirect), SpringerLink, Wiley, Taylor & Francis, ProQuest, Scopus, Web of Science...; các cơ chế, biện pháp, nền tảng số để bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng được củng cố; (2) hoạt động của Nhà xuất bản và Tạp chí Khoa học xã hội và các tạp chí khác của Viện Hàn lâm sẽ được số hóa, có tạp chí điện tử, website riêng bằng tiếng Anh, quy trình nhận, gửi, phản biện bài và quản trị biên tập sẽ được thực hiện trực tuyến, giúp hoạt động của các tạp chí tiệm cận thông lệ quốc tế, từng bước hiện thực hoá mục tiêu đến năm 2030 sẽ có từ 3 - 5 tạp chí của Viện Hàn lâm và các đơn vị trực thuộc tham gia danh mục các tạp chí uy tín quốc tế (SCOPUS/ISI); đến năm 2045 sẽ có thêm từ 3 - 5 tạp chí của Viện Hàn lâm và các đơn vị trực thuộc được công nhận là các tạp chí uy tín quốc tế (SCOPUS/ISI)... (3) về nguồn nhân lực: có sự phát triển mạnh mẽ cả về lượng và chất. Bên cạnh việc triển khai đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực tại chỗ, Viện Hàn lâm sẽ có thể thực hiện chế độ thuê chuyên gia trong và ngoài nước đến làm việc cũng như cử các nhà khoa học tham gia các khóa đào tạo tại các trung tâm nghiên cứu uy tín ở nước ngoài bằng nguồn kinh phí Nhà nước cấp cho Viện Hàn lâm... Những hoạt động đó sẽ giúp hình thành đội ngũ chuyên gia đầu ngành của Viện Hàn lâm có khả năng định hướng, dẫn dắt các hoạt động nghiên cứu lớn, mới, phức tạp; (4) về nghiên cứu cơ bản và tư vấn chính sách: Viện Hàn lâm tiếp tục khẳng định vững chắc vị thế là cơ quan nghiên cứu hàng đầu của đất nước, có khả năng nghiên cứu, dự báo và luận giải các vấn đề mang tính quy luật của xã hội và tư duy; được Đảng, Nhà nước giao chủ trì thực hiện các chương trình nghiên cứu khoa học, điều tra cơ bản có quy mô và tầm ảnh hưởng lớn về KHXH & NV; tổ chức biên soạn những công trình khoa học, những bộ sách lớn, chất lượng cao phục vụ công tác nghiên cứu và truyền bá tri thức về khoa học xã hội và nhân văn; chủ động xây dựng và đổi mới cách thức, chất lượng các báo cáo tư vấn cho Đảng và Nhà nước; (5) về hội nhập quốc tế: trong giai đoạn từ năm 2030 đến năm 2045, Viện Hàn lâm kỳ vọng sẽ có số lượng công bố quốc tế năm sau tăng 8% so với năm trước; có các công trình nghiên cứu có uy tín và ảnh hưởng ở tầm khu vực và thế giới; Học viện Khoa học xã hội nâng cao được chất lượng đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ, trở thành cơ sở giáo dục đại học.

3.3. Thứ tự ưu tiên triển khai các hướng nghiên cứu lớn

- Tiếp tục khẳng định vị thế hàng đầu trong nghiên cứu cơ bản và tư vấn chính sách cho Đảng, Nhà nước

Nghiên cứu cơ bản từng là thế mạnh vượt trội, giúp làm nên thương hiệu và là niềm tự hào của nhiều thế hệ cán bộ, viên chức Viện Hàn lâm trong suốt bảy thập niên qua. Những thành tựu trong nghiên cứu cơ bản của Viện Hàn lâm đã gắn liền với các thời khắc mang tính

bản lề, những dấu ấn quan trọng bậc nhất của đất nước, như đóng góp luận cứ về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; về đổi mới mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế; tham gia sửa đổi Hiến pháp; đóng góp xây dựng lý luận về nhà nước pháp quyền và phát triển kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa (XHCHN); nghiên cứu khẳng định chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông; nghiên cứu tổng kết quá trình đổi mới của đất nước... (Đặng Xuân Thanh, 2023). Thế mạnh đó sẽ tiếp tục được Viện Hàn lâm gìn giữ, phát huy để tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò không thể thiếu trong tư vấn và phân biện các đường lối, chủ trương, chiến lược, kế hoạch, chính sách của Đảng, Nhà nước.

Để tham gia sâu hơn và kịp thời vào các quyết sách quan trọng của đất nước trong bối cảnh thế giới đang biến đổi rất nhanh, mạnh, khó lường, Viện Hàn lâm sẽ tăng cường tính chủ động trong phát hiện và đề xuất các nghiên cứu, theo đó, sẽ khuyến khích các đơn vị, cá nhân chủ động đề xuất với Đảng và Nhà nước đặt hàng các nghiên cứu nhằm:

Thứ nhất, cung cấp luận cứ cho việc xây dựng chiến lược, lộ trình để Việt Nam trở thành quốc gia phát triển có thu nhập cao vào năm 2045.

Thứ hai, xác định điều kiện, giải pháp, lộ trình đổi mới, chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế và quản lý xã hội dựa vào KHCN và ĐMST, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và của nền kinh tế.

Thứ ba, xây dựng cơ sở lý luận, tổng kết thực tiễn; phân tích và đánh giá chính sách, những vấn đề thời sự, dự báo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, biến động của khu vực, thế giới; các giải pháp, đột phá phát triển cho các ngành, lĩnh vực, địa phương, trong đó trọng tâm là tư vấn các chính sách phát triển KHCN, ĐMST, CDS, phát triển bền vững cho vùng và địa phương; nghiên cứu, tư vấn ứng phó với các vấn đề mới, xu thế mới, thời cơ và thách thức mới trong bối cảnh phát triển KHCN, CDS toàn cầu.

Thứ tư, nghiên cứu những khía cạnh KHXX của nền kinh tế tri thức trong bối cảnh toàn cầu hóa và ứng phó với biến đổi khí hậu và đánh giá tác động đến tiến trình phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam.

Thứ năm, học hỏi kinh nghiệm phát triển dựa trên KHCN, ĐMST và CDS của các quốc gia tiêu biểu trên thế giới, dự báo xu hướng phát triển chủ yếu của khu vực và thế giới, đánh giá những tác động nhiều mặt của quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đến sự phát triển toàn cầu, khu vực và Việt Nam.

Thứ sáu, nghiên cứu những vấn đề cơ bản và cấp bách về dân tộc, tôn giáo, lịch sử, văn hóa, văn học, ngôn ngữ, tâm lý học... trong bối cảnh CDS nhằm phát huy sức mạnh toàn dân tộc trong bối cảnh mới.

Thứ bảy, xây dựng cơ sở lý luận, tổng kết thực tiễn; phân tích và đánh giá chính sách, những vấn đề nổi cộm, đột xuất, đột phá phát triển cho các ngành, lĩnh vực, địa phương, trong đó trọng tâm là tư vấn các chính sách KHCN, ĐMST, CDS, phát triển bền vững cho vùng và địa phương; tư vấn ứng phó với các vấn đề mới, xu thế mới, thời cơ và thách thức mới trong bối cảnh phát triển KHCN, CDS toàn cầu...

- Khuyến khích các nghiên cứu bám sát các chủ trương của Đảng tại bốn Nghị quyết trụ cột

Bên cạnh nghiên cứu cơ bản, Viện Hàn lâm sẽ dành ưu tiên cho các nghiên cứu góp phần trực tiếp giải quyết các nhu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn hiện nay. Đó là các nghiên cứu về: (1) đổi mới thể chế và quản trị quốc gia; (2) phát triển công nghiệp, tự chủ về công nghệ; (3) an sinh và phúc lợi xã hội trong bối cảnh chuyển đổi số (y tế thông minh,

giáo dục thông minh, nông nghiệp bền vững và thông minh, môi trường xanh và đô thị thông minh); (4) nghiên cứu, đề xuất, kiến nghị sáng kiến nhằm tuyên truyền, phát động có hiệu quả phong trào phổ cập kỹ năng số, bao gồm cả kỹ năng sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) cho người dân, đặc biệt là nhóm yếu thế, vùng sâu, vùng xa, đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình chuyển đổi số quốc gia; (5) nghiên cứu, đề xuất, kiến nghị nhằm kiến tạo một nền văn hóa mới sáng tạo, hạnh phúc, an toàn và giàu bản sắc dân tộc dựa trên môi trường sống văn minh nhờ tiến bộ của AI và chuyển đổi số; (6) nghiên cứu tham mưu tư vấn Đảng, Chính phủ ban hành đường lối, chủ trương, chính sách, kế hoạch xây dựng văn hóa học tập suốt đời gắn với bồi đắp giá trị văn hóa, đạo đức; (7) nghiên cứu, đề xuất, kiến nghị nhằm phát huy vai trò của KHCN, ĐMST và CDS, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; nghiên cứu về năng lực sáng tạo và văn hóa đổi mới; nghiên cứu các khía cạnh xã hội của kế hoạch triển khai đường sắt cao tốc Bắc - Nam gắn với phát triển các siêu đô thị thông minh... (VASS, 2025a).

- Triển khai hướng nghiên cứu có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các vấn đề mới nảy sinh, thời sự, cấp bách của đất nước, các nghiên cứu có cách tiếp cận mới, có cam kết ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn

Bên cạnh việc tiếp tục thực hiện tốt chức năng nghiên cứu các vấn đề cơ bản, ưu tiên cho các vấn đề bám sát mục tiêu của bốn Nghị quyết trụ cột, Viện Hàn lâm khuyến khích triển khai mạnh mẽ các nghiên cứu về những vấn đề thời sự nóng bỏng, cấp bách mới nảy sinh, đòi hỏi sự luận giải nhanh chóng của các nhà khoa học xã hội để kịp thời tư vấn cho Đảng, Chính phủ và các Bộ ngành, địa phương, đóng góp trực tiếp vào mục tiêu phát triển đất nước; các nghiên cứu có tính ứng dụng, có địa chỉ đặt hàng cụ thể, có vốn đối ứng của đối tác; các nghiên cứu được thiết kế theo cụm vấn đề, chuỗi vấn đề (có sự liên kết, kế thừa, tiếp nối về nội dung giữa các viện nghiên cứu trong từng khối, giữa các khối trong toàn Viện Hàn lâm) nhằm chấm dứt tình trạng tản mạn, phân mảnh, chông chéo, trùng lặp về vấn đề nghiên cứu giữa các cá nhân, đơn vị, qua đó giảm thiểu lãng phí và gia tăng hiệu quả nghiên cứu; các nghiên cứu có cách tiếp cận mới, kết hợp KHXH & NV với các ngành khoa học kỹ thuật, khoa học tự nhiên để có cái nhìn toàn diện và đề ra các giải pháp khả thi đối với nhiều vấn đề của xã hội hiện đại như biến đổi khí hậu, già hóa dân số, an ninh năng lượng, CDS, bất bình đẳng xã hội, hay các nghiên cứu về đạo đức AI, quyền riêng tư số...; các nghiên cứu sử dụng công nghệ số trong nghiên cứu và truyền thông kết quả... ĐMST trong nghiên cứu KHXH & NV cần được hiểu không phải là sự “sao chép công nghệ của khoa học tự nhiên”, mà là đổi mới trong tư duy, phương pháp luận để tìm kiếm giải pháp sáng tạo cho các vấn đề.

Việc xác định rõ thứ tự ưu tiên nguồn lực cho các hướng nghiên cứu lớn kết hợp với những đổi mới trong cách thức tiếp cận, triển khai, nghiệm thu, đánh giá các nhiệm vụ nghiên cứu chính là đột phá quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ trọng yếu của Viện Hàn lâm, hứa hẹn sẽ mang tới những thay đổi căn bản về chất và lượng các sản phẩm nghiên cứu, giúp nâng cao vị thế cho Viện Hàn lâm ở trong nước và trên thế giới.

4. Kết luận

Có thể nói, Nghị quyết 57 được ban hành vào đúng thời điểm sự phát triển của KHXH & NV của Việt Nam đang ở điểm rất thấp trong tương quan so sánh với thế giới, không chỉ ở số lượng các công bố quốc tế còn rất khiêm tốn, ảnh hưởng của các nhà nghiên cứu KHXH & NV

trên thế giới còn khá mờ nhạt, môi trường đào tạo, học thuật của Việt Nam chưa được đánh giá cao... mà sâu xa hơn, còn ở lối mòn trong tư duy, nhận thức về KHXH & NV và vị trí, vai trò của nó đối với xã hội, trong định kiến về sự khô cứng và thiếu gắn kết với thực tiễn của KHXH & NV.

Từ kinh nghiệm của nhiều quốc gia có nền KHXH & NV tiên tiến trên thế giới (VASS, 2024) cũng như từ thực tế phát triển của Viện Hàn lâm trong hơn 70 năm qua đã cho thấy, để có thể xây dựng, phát triển một cơ quan nghiên cứu như Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam trở thành một đơn vị nghiên cứu hàng đầu của đất nước, có uy tín trên thế giới trong nghiên cứu cơ bản, tư vấn chính sách và đào tạo về KHXH & NV thì vai trò của Đảng, Nhà nước trong việc quan tâm đầu tư nguồn lực đủ mạnh, cung cấp một cơ chế chính sách mang tính khuyến khích cao, cho phép một môi trường học thuật dân chủ, cởi mở là điều kiện đặc biệt quan trọng, then chốt.

Từ phía Viện Hàn lâm, trong bối cảnh hiện tại, thì ĐMST và CDS là nhiệm vụ sống còn, là yêu cầu tất yếu để nâng cao chất lượng nghiên cứu, hiệu quả tư vấn chính sách, tính thực tiễn trong đào tạo, đáp ứng nhanh các thách thức của bối cảnh mới, thúc đẩy xu thế gắn KHXH & NV với thực tiễn, tránh sa vào lý luận và xa rời cuộc sống. ĐMST và CDS chính là con đường ngắn nhất giúp Viện Hàn lâm tiến nhanh tới mục tiêu trở thành trung tâm nghiên cứu trọng điểm, ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới vào năm 2045.

Tài liệu tham khảo

Bộ Chính trị. (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.

Đặng Xuân Thanh. (2023). *Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam: 70 năm xây dựng và trưởng thành*. Nxb. Khoa học xã hội.

Đề án Thành lập Nhóm nghiên cứu mạnh Khối nghiên cứu quốc tế thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

VASS. (2024). *Đề án Tăng cường năng lực, phát triển Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 ngang tầm với các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới*.

VASS. (2025a). *Kế hoạch số 457/KH-KHXH ngày 17/3/2025 (sửa đổi) của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết 03/NQ-CP ngày 09/1/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW*.

VASS. (2025b). *Quyết định số 794/QĐ-KHXH ngày 24/6/2025 của Chủ tịch Viện Hàn lâm phê duyệt Đề án thành lập Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam*.

VASS. (2025c). *Quyết định số 796/QĐ-KHXH ngày 25/6/2025 về việc thành lập Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam*.

Vietnam - Global Innovation Index 2024.